

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN GIANG  
TỈNH HƯNG YÊN**

Số: 18/2022/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Văn Giang, ngày 16 tháng 02 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN**

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 05/2022/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận về con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**- Người yêu cầu:**

1/ Họ và tên: Chị **Phạm Thị T**; Sinh năm: 1990

2/ Họ và tên: Anh **Đặng Quang H**; Sinh năm: 1988

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Cháu **Đặng Thu H1**; sinh ngày: 02/11/2015

Các đương sự đều HKTT: thôn CD, xã VK, huyện VG, tỉnh HY

Người đại diện cho cháu **Đặng Thu H1**: Anh **Đặng Quang H** (Bố đẻ cháu **Đặng Thu H1**)

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[Về quan hệ hôn nhân]:

Anh **Đặng Quang H** và chị **Phạm Thị T** kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên ngày 09/01/2015, đây là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng chung sống với nhau một thời gian, đến khoảng năm 2017 bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi cọ với nhau, có lần xảy ra xô xát. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng nhau, đều nghi ngờ nhau không chung thủy.

Từ năm 2019 chị T đi xuất khẩu lao động, vợ chồng không gặp gỡ và ít nói chuyện quan tâm nhau. Đến cuối năm 2021, chị T về nước, anh chị không chung sống cùng nhau nữa.

Đến nay, anh H và chị T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được, mục đích hôn nhân không đạt được và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị.

Do đó cần chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên đương sự, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đặng Quang H và chị Phạm Thị T.

[Về con chung]: Anh Đặng Quang H và chị Phạm Thị T cùng xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Đặng Thu H1 sinh ngày 02/11/2015. Hiện nay cháu H1 đang do anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Nay ly hôn, anh H và chị T cùng thống nhất thỏa thuận:

Giao anh Đặng Quang H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đặng Thu H1 đến khi cháu H1 thành niên.

Chị T không phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung cho anh H.

Đây là thỏa thuận tự nguyện, hợp pháp nên được công nhận.

[Về tài sản chung, công nợ, công sức và đất ruộng nông nghiệp]: Anh Đặng Quang H và chị Phạm Thị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên sẽ không đặt ra xem xét, giải quyết.

[Về lệ phí]: Chị Phạm Thị T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Đặng Quang H và chị Phạm Thị T đều thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh Đặng Quang H và chị Phạm Thị T cùng xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Đặng Thu H1 sinh ngày 02/11/2015.

Anh H và chị T cùng thống nhất thỏa thuận:

Giao anh Đặng Quang H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đặng Thu H1 đến khi cháu H1 thành niên.

Chị T không phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung cho anh H.

Sau khi ly hôn, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

**- Về tài sản chung và nợ chung, đất ruộng nông nghiệp, công sức:** Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Về lệ phí Tòa án:** Chị Phạm Thị T tự nguyện nộp 300.000đ tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ với 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010559 ngày 18/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang, chị T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên
- VKSND huyện Văn Giang;
- UBND xã Vĩnh Khúc;
- (ĐKKH số 06 ngày 09/01/2015)
- THADS huyện Văn Giang;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

***Phan Thị Bích Thủy***